

Số: 14 /NQ-HĐND

Tuyên Hóa, ngày 14 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về giao nhiệm vụ cho UBND huyện thực hiện một số nội dung
trong dự toán chi ngân sách năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 14
(Kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ
Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm
2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân huyện về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 435/TTr-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân huyện đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân
dân huyện quyết định một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm 2024; báo
cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện một số nội
dung chi trong dự toán chi ngân sách năm 2024: giao bổ sung dự toán năm 2024
cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị
thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có
chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân sách
năm 2024 (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai
thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần

tu

nhất; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tuyên Hóa khóa XX, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Kỳ họp thứ 14 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận: 

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính (B/c);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMT huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VP, TCKH.


CHỦ TỊCH



Bùi Thanh Chuyên

PHỤ LỤC(Kèm theo Nghị quyết số **14/NQ-HĐND** ngày **04** tháng 5 năm 2024 của HĐND huyện)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Ghi chú
	Tổng số	82.415.944	
I	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	30.510.364	
1	Kinh phí đào tạo lại.	400.000	
2	Kinh phí đào tạo nghề cho LĐ nông thôn.	500.000	
3	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ.	198.000	
4	Kinh phí Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	1.306.000	
5	Kinh phí thực hiện hính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ.	790.000	
6	Hỗ trợ học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP.	3.150.000	
7	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ.	1.896.000	
8	Kinh phí khen thưởng.	1.200.000	
9	Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng.	475.000	
10	Dự phòng tiền lương, nâng bậc lương thường xuyên, tăng biên chế; phụ cấp, trợ cấp và các chế độ, chính sách khác.	11.918.364	
11	Kinh phí thực hiện chế độ hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND.	2.477.000	
12	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, trường đạt chuẩn quốc gia.	6.200.000	
II	Chi y tế, dân số và gia đình	22.905.000	
1	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng.	22.905.000	
III	Chi sự nghiệp kinh tế	12.975.531	
1	Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.	1.300.000	
2	Kinh phí bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng.	250.000	

3	Kinh phí thực hiện chính sách sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.	42.646	
4	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.	38.885	
5	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến công.	300.000	
6	Kinh phí đặt hàng chăm sóc cây xanh.	1.000.000	
7	Quản lý và vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn Đồng Lê.	400.000	
8	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉnh trang đô thị, xử lý môi trường, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình.	9.644.000	
IV	Chi sự nghiệp môi trường	1.550.000	
1	KP đặt hàng thu gom và xử lý rác thải.	550.000	
2	Kinh phí đặt hàng vệ sinh hè, đường phố.	1.000.000	
V	Chi bảo đảm xã hội	1.123.000	
1	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách.	1.123.000	
VI	Các khoản chi khác ngân sách	13.352.049	
1	Chi khác ngân sách.	500.000	
2	Kinh phí khen thưởng.	300.000	
3	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi đột xuất.	2.500.000	
4	Nguồn kinh phí tin học, ứng dụng KHCN.	500.000	
5	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, đại hội, lễ hội.	2.500.000	
6	Nguồn kinh phí dự phòng nâng bậc lương, tăng biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách khác.	6.266.049	
7	Kinh phí phục vụ công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dồn điền đổi thửa và kiểm kê đất đai.	786.000	

